

CÔNG TY CỔ PHẦN NELIN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NELIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NELIN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NELIN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108375847

3. Ngày thành lập: 25/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Đình, thôn Kim Hoàng, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913678760

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
2.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
3.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
4.	Phá dỡ	4311
5.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4541
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4543
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn gạo	4631
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
13.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
14.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
16.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

17.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
18.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
19.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
20.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4799
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
23.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
24.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
26.	Khai thác gỗ	0221
27.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
28.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất giày dép	1520
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
35.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
36.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
37.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
38.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
39.	Đúc kim loại màu (không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2432
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
42.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
46.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

47.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
48.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
49.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
50.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
51.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
52.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
53.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
54.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
55.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
58.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
59.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
60.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
61.	Đúc sắt, thép	2431
62.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
63.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
64.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
65.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
66.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
67.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Máy sấy, máy nghiền, máy trộn, máy sàng...	2825
68.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
69.	Sản xuất xe có động cơ	2910
70.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
71.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
72.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
73.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Xây dựng nhà các loại	4100
77.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
78.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
80.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

81.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4513
82.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
83.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633
86.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
87.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
88.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trưng tự	4649(Chính)
89.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
90.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
91.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
92.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
93.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
94.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
95.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
96.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trưng tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
97.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
98.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
99.	Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
100.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
101.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
102.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
103.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
104.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
105.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
106.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4511
107.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4530
108.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
109.	Bán buôn tổng hợp	4690
110.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
111.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091

112.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
113.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
114.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
115.	Xây dựng công trình công ích	4220
116.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
117.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
118.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
119.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
120.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
121.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN NINH	Số 2, đường 13, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	80,000	171182316	
			Tổng số	80.000	800.000.000	80,000		
2	LÊ NHƯ QUỲNH	Số 2, đường 13, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	172041345	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
3	LÊ LỮ GIANG	Số 2, đường 13, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	172644228	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 171182316

Ngày cấp: 30/09/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, đường 13, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 5, Xã Hát Môn, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội